

GIÁO DỤC VIỆT NAM TRONG QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN XÃ HỘI SỐ

 NGUYỄN HẢI HOÀNG*

Ngày nhận: 17/5/2021

Ngày phản biện: 15/6/2021

Ngày duyệt đăng: 01/7/2021

Tóm tắt: Sự bùng nổ của cách mạng công nghiệp 4.0 đã tác động và từng bước làm thay đổi hoạt động sản xuất, kinh doanh, cũng như các lĩnh vực khác của đời sống xã hội; xã hội số phát triển như một tất yếu. Vậy giáo dục cần phải thay đổi như thế nào cho phù hợp, đó chính là nội dung mà tác giả muốn đề cập đến trong bài viết này.

Từ khóa: Giáo dục Việt Nam; xã hội số; giáo dục Việt Nam và xã hội số.

VIETNAM EDUCATION IN DEVELOPMENT PROCESS OF DIGITAL SOCIOETY

Abstract: The explosion of industrial revolution 4.0 has impacted and gradually changed production and business activities as well as other areas of social life; digital socioety was born as a necessity. So how does education need to change? That is the content that the author wants to mention in this article.

Key words: Vietnam Education, Digital Society; Vietnam Education and Digital Economy Society.

1. Tính tất yếu của sự phát triển nền giáo dục số ở Việt Nam

1.1. Phát triển xã hội số trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0 và cú huých của nó đối với nền giáo dục ở Việt Nam

Những thành tựu của cách mạng công nghiệp 4.0 đã từng bước thẩm thấu sâu vào mọi mặt của đời sống xã hội, từng bước thúc đẩy sự chuyển đổi xã hội sang mô hình xã hội số. Nhận diện đặc trưng này trong xu thế vận động của thời đại, tại Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, trong Quan điểm phát triển nhanh và bền vững đã khẳng định: "... phát triển kinh tế số, xã hội số coi đây là nhân tố quyết định để nâng cao năng suất, chất lượng..." [7, tr.214-215]. Đồng thời, để phát triển giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ trong giai đoạn 2021 - 2025 đòi hỏi trong quá trình phát triển của nền giáo dục "phải đưa vào chương trình giáo dục phổ thông nội dung kỹ năng số..." [8, tr.149]. Vì vậy, để hiện thực hóa những nội dung nói trên cần phải chuyển đổi nền giáo dục truyền thống sang nền giáo dục số như một tất yếu.

1.2. Phát triển nền giáo dục số đáp ứng yêu cầu phát triển nền kinh tế số ở Việt Nam

Bước vào thế kỷ XXI những tiến bộ công nghệ của cuộc cách mạng công nghiệp đã tác động ngày

càng mạnh mẽ và thẩm thấu sâu vào mọi khía cạnh của cuộc sống, từng bước làm thay đổi căn bản phương thức sống, cũng như phương thức sản xuất, kinh doanh, từng bước làm thay đổi mô hình nền kinh tế, từ dựa trên tài nguyên thiên nhiên là chính sang nền kinh tế dựa trên tài nguyên tri thức với trụ cột là internet và kỹ thuật số; nền kinh tế truyền thống từng bước bị phủ định, bởi nền kinh tế mới - nền kinh tế số.

Theo nghiên cứu của nhóm cộng tác kinh tế số Oxford thì kinh tế số là "một nền kinh tế vận hành chủ yếu dựa trên công nghệ số", đặc biệt là các giao dịch điện tử tiến hành thông qua internet. Kinh tế số bao gồm tất cả các lĩnh vực của nền kinh tế (công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ, sản xuất, phân phối, lưu thông hàng hóa, giao thông vận tải, logistic, tài chính ngân hàng,...) mà công nghệ số được áp dụng. Hiểu một cách ngắn gọn, nền kinh tế số là nền kinh tế liên quan đến công nghệ số, sử dụng công nghệ số và dữ liệu số để tạo ra những mô hình kinh doanh mới và giá trị thặng dư siêu ngạch cho nền kinh tế.

Vì vậy, có thể định nghĩa: *nền kinh tế số là nền kinh tế mà các mô hình tổ chức và phương thức hoạt*

* Trường Đại học Công Đoàn

động của nền kinh tế dựa trên ứng dụng công nghệ số; trong đó công nghệ số trên nền tảng phát triển của internet và sự sáng tạo của con người là tài nguyên và nguồn lực chính để vận hành toàn bộ nền kinh tế.

Kinh tế số mang trong mình những đặc trưng như: i) Được tập hợp trong 3 quá trình xử lý chính đan xen với nhau, bao gồm: xử lý vật liệu, xử lý năng lượng và xử lý thông tin. Trong đó, xử lý thông tin đóng vai trò quan trọng nhất và cũng là lĩnh vực dễ số hóa nhất. ii) Tính kết nối/siêu kết nối giữa các chủ thể và chu trình kinh tế nhờ vào các thành tựu của công nghệ thông tin và internet giúp kết nối hóa các nguồn lực, lược bỏ nhiều khâu trung gian và tăng cơ hội tiếp cận chuỗi giá trị toàn cầu.

Để thúc đẩy quá trình phát triển nền kinh tế số, theo chúng tôi cần thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp, trong đó tiên phong phải kể đến đó là vai trò của hệ thống giáo dục quốc dân, đặc biệt là hệ thống giáo dục sau phổ thông.

1.3. Một số vấn đề đặt ra cho giáo dục Việt Nam trong bối cảnh xã hội số

Thứ nhất, những vấn đề đặt ra đối với công tác quản lý trong hoạt động giáo dục. Với đặc trưng là kết nối/siêu kết nối giữa các chủ thể và quá trình để tạo thành một chuỗi giá trị trong hoạt động của nền kinh tế số, điều này trực tiếp thách thức đến hoạt động quản lý của nền giáo dục, từ hoạt động quản lý của nhà nước đến nền giáo dục, cho đến hoạt động quản lý trong nội bộ của các cơ sở giáo dục, cũng như sự liên kết đào tạo giữa các nhà trường trong quá trình đào tạo nguồn nhân lực.

Thứ hai, những vấn đề đặt ra trên phương diện nội dung của quá trình giáo dục đào tạo. Vì đặc trưng của nguồn nhân lực số, là làm chủ thiết bị công nghệ số, trong các hoạt động nghề nghiệp của mình, cũng như có khả năng thích ứng nhanh và sáng tạo trong bối cảnh biến đổi nhanh của công nghệ mới của nền kinh tế số. Do đó, cần có sự thay đổi nhất định trong nội dung giáo dục, theo đó hàm lượng nội dung đào tạo về làm chủ công nghệ, kích thích năng lực sáng tạo, các kỹ năng mềm, thực tiễn phục vụ cho sự thích ứng của người lao động cần được nghiên cứu và bổ sung vào chương trình đào tạo của hệ thống giáo dục quốc dân, đặc biệt là đối với hệ thống giáo dục quốc dân sau trung học phổ thông. Đối với các ngành thuộc khoa học tự nhiên và kinh tế, quá trình chuyển đổi này diễn ra tương đối thuận, còn đối với các ngành thuộc khoa học xã hội và nhân văn, thì đây sẽ là một thách thức lớn, đòi hỏi quyết tâm cao.

Thứ ba, những vấn đề đặt ra trên phương diện hình thức của quá trình giáo dục đào tạo. Với sự phát triển mạnh của công nghệ thông tin, sẽ từng bước giải phóng sức lao động nói chung và sức lao động trong hoạt động giáo dục nói riêng, tạo ra những thay đổi đột phá trong hình thức giáo dục, phá vỡ cấu trúc về hình thức giáo dục truyền thống, cho phép xuất hiện các hình thức giáo dục mới, cũng như nội dung giáo dục mới để phục vụ nhu cầu đào tạo liên tục với những kỹ năng mới được cập nhật như: năng lực sáng tạo, kỹ năng thích ứng trong môi trường lao động biến đổi liên tục... Điều này, không ngừng tạo áp lực lớn với yêu cầu liên tục thay đổi trong mô hình giáo dục, nhằm tìm kiếm các hình thức giáo dục hiệu quả nhất.

Như vậy, trong bối cảnh vận động của xã hội số, nền kinh tế số, thì việc phát triển nền giáo dục số là xu hướng tất yếu của nền giáo dục Việt Nam hiện nay.

2. Một số giải pháp xây dựng nền giáo dục số trong bối cảnh phát triển xã hội số ở Việt Nam

2.1. Thực hiện số hóa công tác quản lý nền giáo dục, từ số hóa công tác quản lý, điều hành nhà nước về giáo dục, cho đến quản lý, điều hành trong các nhà trường

Chúng ta cần nhận thấy rằng, trên nền tảng thâm nhập của khoa học công nghệ, thì cuộc cách mạng trong giáo dục trước tiên là từ cuộc cách mạng trong lĩnh vực quản lý giáo dục, đây là khâu then chốt của then chốt, có thực hiện thành công cuộc cách mạng này thì mới có thể thực hiện thành công các nội dung khác trong quá trình chuyển đổi sang nền giáo dục số của quốc gia. Để số hóa được công tác quản lý, trong thời gian tới đòi hỏi cần tập trung giải quyết những nhiệm vụ sau:

Một là, phát huy vai trò của cấp ủy, tập thể lãnh đạo đặc biệt là vai trò của người đứng đầu với tinh thần chủ động, quyết liệt, sáng tạo trong quá trình chuyển đổi sang nền giáo dục số. Phát huy vai trò cấp ủy, tập thể lãnh đạo, đặc biệt là vai trò của người đứng đầu, chính là giải quyết mối quan hệ biện chứng giữa quần chúng nhân dân với lãnh tụ trong một không gian, thời gian và công việc xác định. Trách nhiệm cá nhân của người đứng đầu rất lớn và có tác dụng quyết định mọi thành, bại của công việc; nếu người đứng đầu trách nhiệm, tận tâm, lẫn xả với công việc thì sẽ thúc đẩy công việc được giải quyết với những thành quả tốt đẹp nhất. Chủ tịch Hồ Chí Minh nhiều lần chỉ rõ “cán bộ là cái gốc của mọi công việc” và “muôn việc thành công hoặc thất bại,

đều do cán bộ tốt hoặc kém”, đồng thời thực tiễn cũng đã làm sáng tỏ, ở đâu vai trò của người đứng đầu được phát huy thì dù công việc có khó khăn đến mấy đều được tập trung giải quyết, tháo gỡ.

Với thực trạng “Quản lý giáo dục và đào tạo còn nhiều yếu kém. Đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục bất cập về chất lượng, số lượng và cơ cấu; một bộ phận chưa theo kịp yêu cầu đổi mới và phát triển giáo dục, thiếu tâm huyết, thậm chí vi phạm đạo đức nghề nghiệp” [1]. Do đó, cấp ủy, tập thể lãnh đạo và cá nhân người đứng đầu các đơn vị giáo dục cần phải ý thức được vai trò của mình và có được những hành động cụ thể, để thực hiện thành công quá trình chuyển đổi sang nền giáo dục số của nước nhà. Cần phải tạo ra được một môi trường, để khát vọng xây dựng nền giáo dục tiêu biểu trong lịch sử được thổi bùng lên với những hành động cụ thể, đồng thời đảm bảo nền giáo dục phải có sứ mệnh tiên phong so với xu hướng vận động của thời đại, chứ không phải là đi sau thời đại hay đáp ứng yêu cầu thời đại; đây là một thách thức mà xã hội đặt ra cho người lãnh đạo và chúng ta cần đội ngũ những người lãnh đạo giáo dục như thế. Lưu ý là trong quá trình phát huy vai trò lãnh đạo, cần thấy được sự khác nhau giữa kỹ năng chỉ đạo với kỹ năng quản lý và giám sát, theo đó: “kỹ năng chỉ đạo là xác định mục tiêu và huy động sự ủng hộ của dư luận cộng đồng” [3, tr.38]. Tuy quản lý và giám sát là cần thiết, nhưng nếu muốn hoàn thành được mục tiêu chuyển đổi sang nền giáo dục số thì “cần phải phát huy một cách có ý thức bản lĩnh chỉ đạo” [3, tr.39] của các nhà quản lý.

Hai là, ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác quản lý, số hóa các cơ sở dữ liệu giáo dục phục vụ công tác quản lý. Trong đó, đặc biệt sử dụng các thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, như trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, internet kết nối vạn vật để từ đó xây dựng một hệ sinh thái phục vụ công tác quản lý và điều hành. Yêu cầu các dữ liệu quản lý phải được số hóa và các nghiệp vụ quản lý phải được thực hiện bởi công nghệ thông tin.

Ba là, tiếp tục hoàn thiện cơ chế phân định rõ giữa quản lý nhà nước với hoạt động quản lý trong các cơ sở giáo dục, đào tạo. Trong đó tăng cường vai trò quản lý của nhà nước đối với giáo dục và đào tạo, thông qua hành lang pháp lý và cơ chế, chính sách, định hướng sự phát triển của các hệ thống giáo dục. Phát triển cơ chế bốn bên trong hoạt động giáo dục, bao gồm nhà nước, nhà trường, nhà doanh nghiệp và người học trong hoạt động giáo dục. “Có cơ chế để tổ chức, cá nhân người sử dụng lao động

tham gia xây dựng, điều chỉnh, thực hiện chương trình đào tạo và đánh giá năng lực người học” [1], đồng thời cho phép các doanh nghiệp tham gia cùng với Nhà trường trong quá trình đào tạo. Đẩy mạnh thực hiện quá trình tự chủ giáo dục và phát huy vai trò của Hội đồng trường trong quá trình quản lý tại các cơ sở giáo dục, tăng cường tính chịu trách nhiệm xã hội trong toàn bộ hoạt động quản lý của đại học.

Bốn là, cần đoạn tuyệt với cách quản lý “thử, sai, sửa”. “Cách quản lý phổ biến ở trong ngành giáo dục nước ta là quản lý kiểu “thử, sai, sửa” (trial and error method). Người quản lý dựa vào kinh nghiệm đưa ra chủ trương rồi tổ chức, thanh tra xem cấp dưới có thực hiện đúng chủ trương không, nếu chủ trương sai thì sửa” [6]. Sự phát triển của nền giáo dục thế giới ngày nay đã chấm dứt vai trò của kiểu quản lý “thử, sai, sửa”, để chuyển sang mô hình quản lý khoa học với khẩu hiệu: “giải phóng sức sáng tạo” trên cơ sở vận dụng các quy luật khách quan và công nghệ thông tin để quản lý. Do đó, đòi hỏi công tác quản lý giáo dục của chúng ta thực sự cần có một cuộc cách mạng, đây chính là vấn đề then chốt của then chốt, từ đó lan tỏa và quyết định thắng lợi đến quá trình số hóa nền giáo dục nước nhà.

2.2. Tiếp tục triển khai sâu rộng những nhiệm vụ quan trọng và cần thiết được ghi rõ trong Nghị quyết số 29-NQ/TW, ngày 04/11/2013 về Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế

Nghị quyết số 29 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo như một luồng gió mới, tạo đà cho giáo dục và đào tạo phát triển; đồng thời tháo gỡ được những vấn đề còn hạn chế kéo dài nhiều năm. Nghị quyết đã thể hiện sự hội tụ về trí tuệ của cả hệ thống chính trị, xác định rõ từ quan điểm mục tiêu tổng quát, đến mục tiêu cụ thể và đặc biệt là các nhiệm vụ giải pháp rất sát thực tế và đảm bảo tính tiên phong của giáo dục so với xã hội. Về cơ bản, so sánh với các nền giáo dục tiên tiến, Nghị quyết này đã bảo đảm sự hội nhập của nền giáo dục nước nhà, cũng như đáp ứng được bối cảnh cuộc cách mạng công nghệ. Tuy nhiên, khâu tổ chức thực hiện, dường như vẫn là thâm căn cố đế, là khâu yếu nhất của chúng ta trong chu trình thực hiện một chính sách, Nghị quyết cũng đã nêu rõ: “Việc thể chế hóa các quan điểm, chủ trương của Đảng và Nhà nước về phát triển giáo dục và đào tạo, nhất là quan điểm “giáo dục là quốc sách hàng đầu” còn chậm và lúng

túng. Việc xây dựng, tổ chức thực hiện chiến lược, kế hoạch và chương trình phát triển giáo dục - đào tạo chưa đáp ứng yêu cầu của xã hội" [1]. Vì vậy, trong quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết, đòi hỏi tiếp tục phát huy hơn nữa vai trò của người đứng đầu và tập thể lãnh đạo, cũng như cấp ủy, ưu tiên trong việc tổ chức thực hiện.

2.3. Phát triển hệ giáo dục thông minh, đặc biệt là các đại học thông minh là xu hướng tất yếu trong chuyển dịch sang nền giáo dục số trong bối cảnh xã hội số

Với những thành tựu của cách mạng công nghiệp 4.0 được ứng dụng vào trong quá trình quản trị và dạy - học, làm thay đổi về chất mọi hoạt động của nhà trường; cho phép việc kết nối, tự động hóa và mở rộng khả năng của các yếu tố, quá trình trong hoạt động quản trị và đào tạo, gắn kết kỹ năng của người học với yêu cầu của xã hội, hình thành hệ sinh thái giáo dục phục vụ nhu cầu học tập suốt đời và thay đổi kỹ năng lao động liên tục trong bối cảnh nền kinh tế số. Hệ giáo dục thông minh là mô hình các cơ sở giáo dục (bao gồm hệ thống các cơ quan quản lý nhà nước đến các nhà trường) áp dụng công nghệ mới nhất của cách mạng công nghiệp 4.0, để nâng cao chất lượng hoạt động của mình về mọi mặt, từ đó hình thành một hệ sinh thái giáo dục mà mọi hoạt động của nó được vận hành một cách thông minh, trên nền tảng của trí tuệ nhân tạo, Big data, Internet vạn vật, tự động hóa liên kết chặt chẽ giữa nhà nước, nhà trường và doanh nghiệp trong việc đào tạo và đảm bảo chất lượng đầu ra, làm cho người học có điều kiện học tập tốt nhất với kiến thức, kỹ năng, thái độ đáp ứng được yêu cầu của xã hội, thị trường và doanh nghiệp, đồng thời thích ứng được với sự biến đổi không ngừng của việc làm, trong bối cảnh thay đổi không ngừng của cách mạng công nghệ.

Trong bối cảnh tác động của cách mạng công nghiệp 4.0, thì giáo dục thông minh cần chuyển từ nền giáo dục định hướng tìm việc, sang nền giáo dục khởi nghiệp và sáng nghiệp. Đưa tinh thần doanh nghiệp vào hệ thống giáo dục và đào tạo, xây dựng một hệ thống giáo dục chủ động trong việc cung cấp các dịch vụ đào tạo, để có thể tạo ra các cử nhân, kỹ sư có động lực tạo việc làm, thay vì tìm việc làm. Xây dựng một hệ thống giảm tập trung vào học thuật truyền thống, mà đặt giá trị tương xứng cho việc đào tạo kỹ thuật và nghề cần thiết nhất; chuyển từ nền giáo dục chỉ chú trọng đầu vào, sang kết quả đầu ra. Tích cực theo đuổi các công nghệ và sáng kiến có thể giải quyết nhu

cầu của người học và cho phép cá thể hóa cao độ các trải nghiệm học tập và có thể khởi nghiệp ngay khi đang ngồi trên ghế Nhà trường.

Do đó, yếu tố đổi mới, sáng tạo trong mô hình giáo dục thông minh, thích ứng với bối cảnh công nghệ, chính là việc các nhà trường giờ đây không chỉ dừng lại ở việc đào tạo truyền thống, mà đào tạo phải theo định hướng khởi nghiệp. Tức là tinh thần khởi nghiệp phải được thấm sâu trong nội dung đào tạo mới. Khi đó, việc nghiên cứu không chỉ dừng lại ở bài báo, sách vở mà cần tập trung vào các vấn đề khoa học với các sản phẩm mang tính ứng dụng thực tế. Nhà trường chú trọng phát triển người học có tư duy sáng tạo, có tầm nhìn thời đại, tạo ra môi trường tích cực cho người học, tạo cho họ khát vọng thực hiện niềm đam mê của mình, sáng tạo khởi nghiệp, đáp ứng nhu cầu luôn thay đổi của thế giới thông qua thực nghiệm và thực hành với các sản phẩm sáng tạo.

2.4. Xây dựng và phát triển đội ngũ nhà giáo đáp ứng nhu cầu đào tạo trong bối cảnh xã hội số

Giáo dục và đào tạo đã phát triển từ cả ngàn năm trước và luôn luôn song hành với các cuộc cách mạng công nghiệp của con người. Công nghệ có phát triển đến mức độ nào đi nữa, người thầy vẫn đóng một vai trò quan trọng trong hoạt động giáo dục và đào tạo. Giáo dục không chỉ là truyền kiến thức, kỹ năng, công nghệ mà giáo dục còn mang lại những giá trị nhân văn cho sự phát triển và tồn tại của nhân loại. Trong mỗi thời kỳ, cùng với sự phát triển của công nghệ, cách dạy và học sẽ thay đổi. Đặc biệt hiện nay, sự phát triển của công nghệ thông tin đã chuyển mối tương tác giữa thầy và trò từ truyền đạt theo một hướng, thành truyền đạt đa kênh, đa hướng với nhiều công cụ khác nhau. Người học có thể tìm kiếm các thông tin, tài liệu trên mạng internet, phát huy vai trò chủ thể tích cực của bản thân, trong việc tiếp cận và chiếm lĩnh tri thức của nhân loại. Tuy nhiên, công nghệ ở đây chỉ đóng vai trò là công cụ hỗ trợ, chứ không phải là vị trí trung tâm trong giáo dục và đào tạo. Nếu xem công nghệ là hàng đầu trong giáo dục và đào tạo, mà quên đi vai trò của người giáo viên thì chúng ta sẽ mắc sai lầm trong đào tạo con người.

Giáo dục trong bối cảnh xã hội số, không chỉ cung cấp kiến thức hàn lâm mà phải tạo cho người học những kỹ năng, phẩm chất nghề nghiệp cùng sự sáng tạo để các em không bị "tụt hậu". Trước những vấn đề đó, đội ngũ nhà giáo phải có những khả năng,

phẩm chất nào, để đào tạo ra nguồn nhân lực đáp ứng được nhu cầu của doanh nghiệp, cũng như của thời đại? Đặc trưng lớn nhất của con người là khả năng thích ứng, thầy cô cũng phải như vậy, sẽ phải có những bước thích ứng nhất định, thông qua học tập và nghiên cứu. Giáo dục và đào tạo phải có sự phản ứng rất nhanh với thị trường và nhu cầu của xã hội. Trường đại học phải là nơi tạo ra các tri thức mới, công nghệ mới để phục vụ cho quá trình phát triển. Song song với quá trình giảng dạy thì các giảng viên bắt buộc phải có hoạt động nghiên cứu, để tạo ra những tri thức mới. Đây là cách mà các thầy, cô giáo thích ứng với sự biến đổi nhanh chóng về công nghệ và cũng là cách để thầy cô giáo đào tạo lớp sinh viên thích ứng nhanh với những biến đổi này.

2.5. Thực hiện hệ thống giáo dục mở, học tập suốt đời và xây dựng xã hội học tập, làm cho “ai cũng được học hành” nhưng “côt thiết thực, chu đáo, hơn tham nhiều” và “phải làm đúng nhu cầu” xã hội đang cần

Trong một xã hội có sự cạnh tranh ngày càng gay gắt, những biến đổi về môi trường làm việc ngày càng nhiều, các mối nguy cơ ngày càng lớn và cơ hội dành cho những người được chuẩn bị đón nhận các mối nguy cơ ngày càng tăng lên, thì trọng tâm của cải cách giáo dục nên là tạo ra một xã hội học tập. Nếu như, không học tập suốt đời, thì các kĩ năng của con người sẽ bị lạc hậu rất nhanh. Trọng tâm của một xã hội như vậy là phải đưa ra một loạt các tiêu chuẩn và bền lòng trong việc lập ra một chế độ giáo dục, để mỗi cá nhân có cơ hội vận dụng hết tư duy của mình, học tập không ngừng, từ tuổi ấu thơ cho đến khi trưởng thành với sự biến đổi của xã hội. Tư tưởng chỉ đạo của một xã hội như thế, là giáo dục quan trọng không chỉ vì nó có những đóng góp cho mục tiêu sự nghiệp của con người, mà còn là vì nó đã làm tăng thêm chất lượng sống của con người. Bên cạnh đó, trọng tâm then chốt khác của xã hội học tập còn là: cơ hội được thụ hưởng giáo dục, lớn hơn nhiều so với cách học tập theo truyền thống. Cơ hội học tập đã mở rộng đến từng gia đình, môi trường làm việc, thư viện, phòng triển lãm nghệ thuật, viện bảo tàng và trung tâm khoa học, thậm chí còn mở rộng đến tất cả mọi môi trường, mà các cá nhân có thể phát triển và trưởng thành được trong công việc và cuộc sống.

2.6. Cập nhật nội dung giáo dục đáp ứng yêu cầu của xã hội số, đa dạng hóa hình thức đào tạo, đáp ứng nhu cầu đào tạo mới, đào tạo lại và học tập suốt đời

Nội dung giáo dục là hệ thống các “tài liệu” chủ yếu cấu thành giáo dục, tức toàn bộ các chương trình học. Để có được hệ thống các tài liệu này phục vụ quá trình chuyển đổi số, đòi hỏi những nhà quản lý giáo dục cần phải thường xuyên tiến hành điều tra để xây dựng được khung chương trình phù hợp, bao gồm định mức tối thiểu cần phải có, từ đó xây dựng bộ khung các môn cơ sở bắt buộc người học phải đạt được sau khi tốt nghiệp, hay nói cách khác phải trung thành với chuẩn đầu ra trong quá trình đào tạo đối với từng môn học cũng như đối với từng cấp, bậc và ngành học; các chuẩn này cũng phải thường xuyên được cập nhật để đảm bảo tính tiên phong của giáo dục trong xã hội. Cùng với quá trình điều chỉnh nội dung thì cần tiếp tục đổi mới mạnh mẽ phương pháp dạy và học theo hướng hiện đại; phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo và vận dụng kiến thức, kỹ năng của người học; khắc phục lối truyền thụ áp đặt một chiều, ghi nhớ máy móc”. Trong giảng dạy, “các thầy, cô phải tìm cách dạy. Dạy cái gì, dạy thế nào để trò hiểu chóng, nhớ lâu, tiến bộ nhanh. Thầy dạy tốt, trò học tốt” trên tinh thần lấy người học làm trung tâm. Khi giảng dạy, phải “tránh lối dạy nhồi sọ”, “phải gắn lý luận với công tác thực tế”, “theo nguyên tắc tự nguyện tự giác, giải thích, bàn bạc, thuyết phục, chứ không gò bó”. Phải chuyển từ “thầy đọc, trò chép” sang cách người học “phải lấy tự học làm cốt”, “theo hướng coi trọng phát triển phẩm chất, năng lực của người học”. Đồng thời, dành thời gian dạy về phương pháp, kỹ năng, cách tự học; dạy cách gắn lý thuyết với thực hành, dạy làm người, v.v. để người học có khả năng thích ứng nhanh với hoàn cảnh, có trách nhiệm với gia đình, xã hội và Tổ quốc.

Giữa nội dung học và cách thức dạy học là một mối quan hệ biện chứng trong quá trình giáo dục, “Ba lần cải cách giáo dục, rút ngắn chương trình xuống 9 năm, 10 năm mà sau đó lại thống nhất được một cách cũng êm thấm với chương trình 12 năm càng chứng tỏ rằng “kiến thức” không quan trọng bằng “cách học” và “cách học” tốt có khả năng bù vào những khiếm khuyết của chương trình. Do vậy, tuy chương trình là quan trọng nhưng cũng không nên câu toàn”, cần dựa vào quy luật: “cách học” quan trọng hơn “kiến thức” [6] có thể nghiên cứu để giảm bớt và tiến tới trọng tâm hóa nội dung giáo dục. Do đó, đòi hỏi cần phải đa dạng hóa các hình thức dạy học, trong đó cần lấy phát huy xu hướng tự học làm cốt, có như vậy mới đáp ứng được việc học tập suốt đời mà nền kinh tế số đặt ra cho người học và nền giáo dục.

Nội dung trong hệ thống giáo dục và đào tạo cần có tính liên thông giữa các trình độ; gắn kết với nghiên cứu khoa học, sản xuất, kinh doanh và nhu cầu của thị trường lao động; chú trọng đúng mức việc giáo dục đạo đức, lối sống và kỹ năng làm việc, cập nhật hiện đại hóa phương pháp giáo dục, việc thi, kiểm tra và đánh giá kết quả, đảm bảo hiệu quả và thực chất.

2.7. Huy động tổng thể các nguồn lực của xã hội, thực hiện số hóa nền giáo dục

Nguồn lực đầu tư chủ yếu cho giáo dục hiện nay vẫn thuộc về vai trò của nhà nước, mặc dù đã có sự tham gia của các nguồn lực khác; Tuy nhiên, “đầu tư cho giáo dục và đào tạo chưa hiệu quả. Chính sách, cơ chế tài chính cho giáo dục và đào tạo chưa phù hợp. Cơ sở vật chất kỹ thuật còn thiếu và lạc hậu, nhất là ở vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn” [1]; “Ta đã vận dụng phương châm: “Nhà nước và nhân dân cùng làm” nhưng có thiếu sót là thiếu sự nghiên cứu về sở trường của đôi bên để phân công, nên hạn chế hiệu quả” [6]. Do đó, cần xóa bỏ triệt để tư duy bao cấp, làm hạn chế khả năng huy động các nguồn lực xã hội, đầu tư cho giáo dục, đào tạo; hình thành cơ chế mở và gửi thông điệp kêu gọi, cho phép các cá nhân, tổ chức và doanh nghiệp quan tâm, đóng góp tài chính cũng như đầu tư cho giáo dục.

Như vậy, trong bối cảnh của sự phát triển xã hội số, với sự ứng dụng các thành tựu của cuộc cách mạng công nghệ 4.0 vào trong quá trình sản xuất, đã tác động và đặt ra những yêu cầu làm thay đổi toàn diện nền giáo dục nước nhà; không có con đường nào khác, buộc chúng ta phải không ngừng hiện đại hóa nền giáo dục, mà trước tiên là hiện đại hóa đối với công tác quản lý giáo dục, để từng bước chuyển đổi nền giáo dục nước ta, từ nền giáo dục truyền thống sang nền giáo dục số. Có thể coi khâu đột phá của quá trình chuyển đổi này, chính là bắt đầu từ công tác quản lý giáo dục, phải thay đổi hoàn toàn về chất và đi đầu, để từ đó tạo cú huy cho những sự thay đổi tiếp theo một cách toàn diện, hiện đại các mặt khác của quá trình giáo dục. Có như vậy, chúng ta mới hoàn thành mục tiêu “Giáo dục con người Việt Nam phát triển toàn diện và phát huy tốt nhất tiềm năng, khả năng sáng tạo của mỗi cá nhân; yêu gia đình, yêu Tổ quốc, yêu đồng bào; sống tốt và làm việc hiệu quả” [1] thực hiện hội nhập quốc tế thành công, hòa cùng xu thế vận động của giáo dục thế giới thế kỷ XXI đã được Unesco đề ra với bốn trụ cột là: Học để biết cách học, Học để làm, Học để cùng chung sống và Học để sáng tạo. □

Tài liệu tham khảo

1. Đảng Cộng sản Việt Nam, Ban chấp hành Trung ương, Nghị quyết số 29-NQ/TW, ngày 04/11/2013 về *Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế*.
2. Lữ Đạt - Chu Mẫn Sinh (chủ biên, Nguyễn Như Diễm dịch - 2009), *Cải cách giáo dục ở các nước phát triển, cải cách giáo dục ở Nhật Bản và Ôxtrâyli*, Nxb Giáo dục Việt Nam, HN.
3. Lữ Đạt - Chu Mẫn Sinh (Chủ biên, Nguyễn Trung Thuận dịch - 2009), *Cải cách giáo dục ở các nước phát triển, cải cách giáo dục ở Mỹ, quyển I*, Nxb Giáo dục Việt Nam, HN.
4. Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương, Trung tâm thông tin - tư liệu (2018), *Chuyên đề số 4, Phát triển nền kinh tế số nhìn từ kinh nghiệm một số nước châu Á và hàm ý đối với Việt Nam*, HN.
5. Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương, Trung tâm thông tin - tư liệu (2018), *Chuyên đề số 5, Phát triển nền kinh tế số: Kinh nghiệm của Trung Quốc và hàm ý chính sách đối với Việt Nam*, HN.
6. <https://vnu.edu.vn/home/?C1635/N4273/Ba-lan-cai-cach-giao-duc-va-nhung-bai-hoc-kinh-nghiem-rut-ra-tu-do.htm>
7. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, NXB Chính trị quốc gia - Sự thật, tập 1.
8. Hội đồng lý luận Trung ương (2021), Những điểm mới trong các văn kiện Đại hội XIII của Đảng, NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật.

NÂNG CAO NĂNG LỰC CẠNH TRANH...

(Tiếp theo trang 61)

4. Cấn Văn Lực (2016), *Báo cáo tại hội thảo “Chất lượng nguồn nhân lực ngành tài chính ngân hàng trong tiến trình hội nhập”*, Hà Nội.
5. Phạm Tấn Mến (2008), *Giải pháp nâng cao năng lực cạnh tranh của ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam trong xu thế hội nhập*, Luận văn thạc sỹ kinh tế, Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh.
6. Nguyễn Thị Ngà và Phạm Ngọc Huyền (2019), *Đánh giá năng lực cạnh tranh của các ngân hàng Việt Nam trong bối cảnh hội nhập kinh tế ASEAN*, Tạp chí Thị trường Tài chính Tiền tệ số 13 năm 2019.
7. Bảo Ngọc, *Tổng tài sản của hệ thống tổ chức tín dụng đạt gần 12,5 triệu tỷ đồng*. Khai thác từ <https://thoibaonghanhang.vn/tong-tai-san-cua-he-thong-to-chuc-tin-dung-dat-gan-125-trieu-ty-dong-102754.html> (09:20, 10/06/2020).
8. Nielsen (2017), *Nỗ lực truyền thông tiếp thị của ngân hàng có thực sự hiệu quả*, Khai thác từ <https://www.nielsen.com/vn/vi/insights/2017/nielsen-pfm-2017.print.html>, cập nhật ngày 10/1/2018.
9. Tà Phú, *Tổng tài sản của hệ thống tổ chức tín dụng xấp xỉ 12 triệu tỷ đồng*, Khai thác từ <https://tapchitaichinh.vn/ngan-hang/tong-tai-san-cua-he-thong-to-chuc-tin-dung-xap-xi-12-trieu-ty-dong-314364.html> (10:00 23/10/2019).